TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01/2019/QĐST-VDS	Krông Pắc, ngày 17 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc: Hủy việc kết hôn trái pháp luật

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên họp: Ông Chu Anh Hùng.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Nhị- Thư ký Toà án huyện Krông Pắc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 02/2019/TLST-VDS ngày 11/01/2019, Về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật", theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2019/QĐST-VDS ngày 02/5/2019 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị Nhật L; sinh năm 1988- Có mặt

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1./ Anh Phan Văn H- Vắng mặt

Nơi cư trú cuối cùng: Liên gia A, tổ dân phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2./ Uỷ ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo pháp luật: Ông Y N; chức vụ: Chủ tịch uỷ ban nhân dân xã E.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phan Thị T; chức vụ: Cán bộ tư pháp xã E - Có đơn giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của chị Nguyễn Thị Nhật L trình bày như sau:

Chị Nguyễn Thị Nhật L và anh Phan Văn H quen nhau vào khoảng tháng 4 năm 2015, quá trình tìm hiểu anh H kể rằng: từ trước đến nay anh H chưa từng kết hôn với ai, chị Nguyễn Thị Nhật L đã tin và tiến tới hôn nhân với anh H, vào ngày 21 tháng 09 năm 2015, chị Nguyễn Thị Nhật L và anh H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K theo giấy chứng nhận kết hôn số 160/2015 – quyển sổ: 01/2014.

Hồ sơ anh H gồm có:

1. Một chứng minh nhân dân số : 183432900 cấp ngày 25/11/2011 tên Phan Văn H, sinh ngày 12/02/1981 nơi thường trú tại : xã Cổ Đ, huyện Nghi X, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 14/09/2015 xác nhận nội dung sau: anh Phan Văn H, sinh ngày12/02/1981 tình trạng hôn nhân, chưa đăng ký kết hôn với ai (giấy xác nhận này dùng bổ sung hồ sơ để đăng ký kết hôn).

3. Tờ khai đăng ký kết hôn : anh Phan Văn H khai đăng ký kết hôn lần thứ 1 (nhất).

Sau khi kết hôn với anh Phan Văn H, chị Nguyễn Thị Nhật L có thai được 08 tháng thì anh Phan Văn H bỏ đi trốn tránh nghĩa vụ của một người chồng, người cha. Ngày 26/6/2016 thì chị Nguyễn Thị Nhật L, sinh cháu tên Phan Nguyễn Pha L, (từ lúc anh H bỏ đi đến nay, chị L không biết tin tức anh H ở đâu).

Hiện nay, chị Nguyễn Thị Nhật L mới phát hiện anh Phan Văn H sử dụng chứng minh nhân dân số 240796614, sinh ngày 16/08/1985 do Công an nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp lần 1 năm 2002, lần 2 ngày 21/07/2010 và đã có một lần đăng ký kết hôn với chị H’ T tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32- Quyển số 01/2008 vào thời điểm ngày 17/3/2008. Đồng thời tại bản án số 24/2011/HNGĐST ngày 27/4/2011 TAND TP Buôn Ma Thuột quyết định tuyên xử công nhận thuận tình ly hôn giữa hai người này.

Do hành vi của anh Phan Văn H cố ý lấy giấy chứng minh nhân dân khác tại tỉnh Hà Tĩnh để xác nhận tình trạng hôn nhân. Đồng thời vào thời điểm ngày 18 tháng 09 năm 2015 anh Phan Văn H nêu nội dung trong tờ khai đăng ký kết hôn là lần thứ 1 (nhất) để làm cho chị Nguyễn Thị Nhật L hiểu sai lệch vấn đề anh Phan Văn H chưa có vợ và chưa có con, chưa kết hôn lần thứ 1 (nhất) với ai và dẫn đến việc chị Nguyễn Thị Nhật L đồng ý kết hôn với anh Phan Văn H. Nếu anh Phan Văn H không có hành vi sử dụng chứng minh nhân dân khác và

cung cấp thông tin đăng ký kết hôn lần thứ 1 (nhất) thì chị Nguyễn Thị Nhật L đã không đồng ý kết hôn.

Vì vậy, chị Nguyễn Thị Nhật L đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật: cụ thể là hủy giấy chứng nhận kết hôn số 160/2015, quyển số số 01/2014 ngày 21/09/2015 của Ủy ban nhân dân xã E chứng nhận kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Nhật L và anh Phan Văn H.

Về con chung: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị Nhật L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã E trình bày như sau:

Ngày 21/9/2015 Ủy ban nhân dân xã E có nhận hồ sơ đăng ký kết hôn của chị Nguyễn Thị Nhật L và anh Phan Văn H, quá trình kiểm tra hồ sơ chị L và anh H đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Đối với anh Phan Văn H đã cung cấp giấy tờ tùy thân là chứng minh nhân dân mang tên Phan Văn H, sinh ngày 12/02/1981 cư trú tại xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh đã có giấy xác nhận tình trạng hôn nhân theo số 89/UBND-XN "Về tình trạng hôn nhân từ ngày 12/02/1981 đến ngày 14/9/2015 anh H chưa đăng ký kết hôn với ai, hiện đang độc thân.

Vì vậy, UBND xã E đã tiến hành cho đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị Nhật L là đúng quy định của pháp luật.

Nay chị Nguyễn Thị Nhật L làm đơn đề nghị yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật với lý do trước khi kết hôn với chị L, thì anh Phan Văn H đã từng kết hôn với chị H'T, nhưng anh Phan Văn H lại dùng chứng minh nhân dân sinh năm 1981 để xác nhận ở UBND xã C, huyện N từ giai đoạn ngày 12/02/1981 đến ngày 14/5/2015 là chưa đăng ký kết hôn với ai, hiện đang độc thận là không phù hợp, vì thực tế anh Phan Văn H đã từ kết hôn một lần vì vậy đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 22/01/2019, Công an xã E cung cấp như sau: Ngày 14/9/2015 Công an xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh đã lập giấy chuyển hộ khẩu số 678/GCHK cho anh Phan Văn H; sinh ngày 12/02/1981 thường trú tại thôn 12, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh để chuyển hộ khẩu thường trú đến nhập ở địa phương mới là xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, tuy nhiên cho đến nay thì anh Phan Văn H chưa nhập khẩu vào xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tại biên bản xác minh ngày 24/01/2019 Công an phường T cung cấp như sau: anh Phan Văn H; sinh năm 1985 ở tổ dân phố 5, phường T, thành phố B, nay là Liên gia 6, tổ dân phố 9, phường T, thành phố B, hiện nay đã bán nhà đi

khỏi địa phương, tuy nhiên anh H không thông báo cho chính quyền địa phương và cũng không làm thủ tục chuyển sổ hộ khẩu, nên chính quyền địa phương không nắm rõ địa chỉ mới của anh Phan Văn H.

Quá trình giải quyết, theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Nhật L, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tiến hành thu thập 02 chứng minh nhân dân của anh Phan Văn H và tiến hành giám định dấu vân tay.

Tại bản kết luận số 16/PC09 ngày 11/3/2019 phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Hình dấu vân tay mang tên Phan Văn H- sinh năm 1981 trong các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với dấu vân tay mang tên Phan Văn H- sinh năm 1985 trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là dấu vân tay của cùng một người.

Sau khi có kết luận giám định và theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Nhật L, ngày 14/3/2019 Toà án nhân dân huyện Krông Pắc đã ra công văn đề nghị Đài tiếng nói Việt Nam- Khu vực Tây Nguyên và Báo Công lý đăng thông báo, nhắn tin tìm kiếm, trên phương tiện thông tin đại chúng để báo cho anh Phan Văn H về giải quyết việc chị Nguyễn Thị Nhật L đang yêu cầu Toà án huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị. Tuy nhiên, hết thời gian thông báo mà vẫn không có tin tức gì của anh H, vì vậy Toà án nhân dân huyện Krông Pắc tiến hành giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tại phiên họp: Quá trình từ khi thụ lý việc dân sự đến khi mở phiên họp, Tòa án đã thực hiện đúng trình tự quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Thẩm phán-Chủ toạ phiên họp chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự để hủy việc kết hôn trái pháp luật của chị Nguyễn Thị Nhật L và anh Phan Văn H theo giấy chứng nhận kết hôn số 160/2015 - Quyển sổ 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã E cấp ngày 21/9/2015.

Hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

Anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị Nhật L phải chấp dứt quan hệ như vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung giữa anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị Nhật L được giải quyết theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Nguyễn Thị Nhật L lập ngày 08/01/2019 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ

việc dân sự đã xác định được, chị Nguyễn Thị Nhật L và anh Phan Văn H đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K vào ngày 21/9/2015, căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Căn cứ bản kết luận số: 16/PC09 ngày 11/3/2019 phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Hình dấu vân tay mang tên Phan Văn H- sinh năm 1981 trong các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với dấu vân tay mang tên Phan Văn H- sinh năm 1985 trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là dấu vân tay của cùng một người. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận anh Phan Văn H, sinh ngày 12/02/1981 theo giấy chứng minh nhân dân số 183432900 Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 25/11/2011 và anh Pham Văn H sinh ngày 16/8/1985 theo chứng minh nhân dân số 240796614 Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/7/2010 là cùng một người.

Ngày 17/3/2008 anh Phan Văn H đã dùng giấy chứng minh nhân dân số 240796614 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp với ngày 16/8/1985 để đăng ký kết hôn với chị H'T tại UBND xã E, sau đó vợ chồng mâu thuẫn và đã ly hôn theo bản án số 24/2011/HNGĐST ngày 27/4/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn với chị H'T, để đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị Nhật L, thì anh Phan Văn H phải tuân thủ khoản 1 Điều 67 nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 về đăng ký quản lý hộ tịch.

Điều 67. Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

"*Trong trường hợp người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã có vợ, có chồng, nhưng đã ly hôn hoặc người kia đã chết, thì phải xuất trình trích lục Bản án/Quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về việc ly hôn hoặc bản sao Giấy chứng tử. Quy định này cũng được áp dụng đối với việc xác nhận tình trạng hôn nhân trong Tờ khai đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định này"*.

Tuy nhiên, anh Phan Văn H đã không xuất trình bản án đã ly hôn với chị H'T để yêu cầu cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Ngày 14/5/2015, anh Phan Văn H dùng giấy chứng minh nhân dân số 183432900 do Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp với ngày 12/02/1981 để xin giấy xác nhận tình trạng hôn nhân tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh với nội dung: "*Anh Phan Văn H trong thời gian cư trú tại thôn 12, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh từ ngày 12/02/1981 đến ngày 14/9/2015: Tình trạng hôn nhân: Chưa đăng ký kết hôn với ai, hiện tại đang độc thân. Để làm thủ tục bổ sung hồ sơ Đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị Nhật L, thường trú tại thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk"* là vi phạm

khoản 1 Điều 67 nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 về đăng ký quản lý hộ tịch.

Ngoài ra, theo tờ khai đăng ký kết hôn ngày 18/9/2015 cũng thể hiện anh Phan Văn H khai kết hôn với chị Nguyễn Thị Nhật L là kết hôn lần thứ nhất, nhưng thực tế anh Phan Văn H đã từng kết hôn và ly hôn với chị H'T.

Theo quy định tại Điều 132 BLDS 2005*" Lừa dối trong giao dịch là hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứ ba nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch về chủ thể, tính chất của đối tượng hoặc nội dung của giao dịch dân sự nên đã xác lập giao dịch đó".*

Tại khoản 3 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao- Viện kiểm sát nhân dân tối cao- Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân gia đình quy định: "*Lừa dối kết hôn" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Luật hôn nhân và gia đình là hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứ ba nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch và dẫn đến việc đồng ý kết hôn; nếu không có hành vi này thì bên bị lừa dối đã không đồng ý kết hôn.*

Như vậy, anh Phan Văn H đã có hành vi lừa dối kết hôn, hành vi này bị cấm tại điểm b khoản 2 Điều 5 luật hôn nhân gia đình, nên việc kết hôn của anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị Nhật L đã vi phạm các điều kiện kết hôn quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật hôn nhân gia đình.

Vì vậy, chị Nguyễn Thị Nhật L đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật: cụ thể là hủy giấy chứng nhận kết hôn số 160/2015, quyển sổ số 01/2014 ngày 21/09/2015 của Ủy ban nhân dân xã E chứng nhận kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Nhật L và anh Phan Văn H là có căn cứ cần được chấp nhận.

Hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

Anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị Nhật L phải chấp dứt quan hệ như vợ chồng theo khoản 1 Điều 12 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Tại biên bản làm việc ngày 17/01/2019 Toà án nhân dân huyện Krông Pắc đã giải thích hậu quả pháp lý của việc huỷ kết hôn trái pháp luật, chị Nguyễn Thị Nhật L có quyền yêu cầu Toà án giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung theo Điều 12 Luật hôn nhân gia đình. Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị Nhật L chỉ yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật của chị Nguyễn Thị Nhật L và anh Phan Văn H theo giấy chứng nhận kết hôn số 160/2015 - Quyển sổ 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã E cấp ngày 21/9/2015 để chị và anh Phan Văn H phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung giữa chị Nguyễn Thị Nhật L và anh Phan Văn H, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Nhật L phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Nhật L tự nguyện chịu chi phí đăng thông báo, nhắn tin tìm kiếm anh Phan Văn H và chi phí giám định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 132 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 18, khoản 1 Điều 67 Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 về đăng ký quản lý hộ tịch.

Căn cứ khoản 3 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao- Viện kiểm sát nhân dân tối cao- Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị Nhật L.

Tuyên bố: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị Nhật L và anh Phan Văn H theo giấy chứng nhận kết hôn số 160/2015 - Quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã E cấp ngày 21/9/2015.

2. Hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

Anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị Nhật L phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung giữa anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị Nhật L được giải quyết theo quy định của pháp luật khi có đơn yêu cầu.

3. Lệ phí giải quyết việc dân sự: chị Nguyễn Thị Nhật L phải chịu 300.000 đồng lệ phí việc dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0009687 ngày 10/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chị Nguyễn Thị Nhật L tự nguyện chịu 5.040.000 đồng (năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định chữ ký và 3.091.000 đồng *(Ba triệu không trăm chín mươi mốt nghìn đồng)* tiền đăng thông báo, nhắn tin

tìm kiếm anh Phan Văn H. Được khấu trừ vào số tiền 8.131.000 đồng chị Nguyễn Thị Nhật L đã nộp.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định pháp luật.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày; Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- UBND xã E;
……
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

(Đã Ký)

Chu Anh Hùng